

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

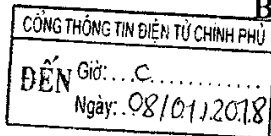
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2018/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 03 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là nhà
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016
của Chính phủ về lệ phí trước bạ;*

*Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016
của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;*

*Theo đề nghị của liên Sở: Tài chính - Xây dựng - Cục Thuế tại Tờ trình
số 1174/TTr-LS ngày 14 tháng 12 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà

Ban hành kèm theo Quyết định này giá tính lệ phí trước bạ nhà trên địa
bàn tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà gồm nhà ở: Quy định tại Phụ lục
1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ và nguyên
tắc xác định cấp nhà: Quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định
này.

**Điều 2. Nguyên tắc xác định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà
làm việc; nhà sử dụng cho các mục đích khác**

Đối với nhà làm việc, nhà sử dụng cho các mục đích khác chưa được quy định giá tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này: Trong thời gian chưa có giá cụ thể của từng loại nhà, áp dụng giá theo cấp, hạng nhà ở để xác định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà làm việc; nhà sử dụng cho các mục đích khác trên cơ sở xác định cấp, hạng nhà đối với nhà làm việc; nhà sử dụng cho các mục đích khác của Sở Xây dựng tương đương với cấp, hạng nhà ở.

Điều 3. Giao trách nhiệm

1. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trong trường hợp có biến động tăng hoặc giảm từ 15% trở lên so với giá nhà ở quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Cục Thuế tỉnh:

a) Triển khai Quyết định này đến các Chi Cục thuế các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện. Theo dõi biến động giá thị trường, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà khi có biến động tăng hoặc giảm.

b) Xác định đối tượng không phải nộp và thực hiện miễn, giảm lệ phí trước bạ theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tại địa phương căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính để xây dựng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà áp dụng tại địa phương.

4. Cơ quan cấp quyền sở hữu tài sản chịu trách nhiệm xác định cấp loại nhà cung cấp cho cơ quan Thuế tính thu lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 1 Quyết định này; trường hợp phát sinh vướng mắc thì phối hợp Sở Xây dựng xem xét, giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2018 và thay thế Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và các văn bản có liên quan.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Mặt trận và các đoàn thể;
- Như điều 5;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Chánh, các PVP.UBND tỉnh;
- Các phòng: ĐTQH, KT, NC, TTTT;
- Lưu VT, TH Hùng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hai
Nguyễn Ngọc Hai

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục 1

**BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND
ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Giá tính mới 1m² sàn xây dựng nhà:

Số TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Đơn vị tính	Giá tính lệ phí trước bạ (đồng)
1	- Biệt thự	Đồng/m ² SD	13.800.000
2	- Nhà cấp 1	Đồng/m ² SD	6.900.000
3	- Nhà cấp 2A	Đồng/m ² SD	6.200.000
4	- Nhà cấp 2B	Đồng/m ² SD	5.800.000
5	- Nhà cấp 3A	Đồng/m ² SD	5.200.000
6	- Nhà cấp 3B	Đồng/m ² SD	4.400.000
7	- Nhà cấp 3C	Đồng/m ² SD	3.500.000
8	- Nhà cấp 4A	Đồng/m ² XD	3.800.000
9	- Nhà cấp 4B	Đồng/m ² XD	3.600.000
10	- Nhà cấp 4C	Đồng/m ² XD	3.200.000

Giá tính lệ phí trước bạ nhà tại huyện đảo Phú Quý được tính tăng 1,5 lần so với giá quy định tại Phụ lục này.

quay mặt ra sân hay vườn. Trang thiết bị kỹ thuật vệ sinh có chất lượng cao hoặc tương đối cao. Giải pháp kiến trúc, mỹ thuật, có trang trí, hoàn thiện bên trong, bên ngoài nhà chất lượng cao hoặc tương đối cao. Ngõ nhà có kết cấu chịu lực: khung cột bê tông hoặc tường gạch chịu lực, sàn gỗ hoặc bê tông có lát vật liệu chất lượng cao. Mái bằng bê tông cốt thép hoặc mái ngói có trần đảm bảo cách âm, cách nhiệt, chống nóng.

b) Nhà cấp 1: Nhà cao từ 6 tầng trở lên; kết cấu chính là khung, sàn, cột bằng BTCT. Mức độ sử dụng tiện nghi cao, có hoàn chỉnh các phòng: ngủ, ăn, tiếp khách, bếp, vệ sinh riêng biệt và cùng tầng với căn hộ. Có sử dụng các loại vật liệu hoàn thiện: trát ốp lát, trang trí cao cấp. Mức độ sử dụng, tiện nghi cao, có hoàn chỉnh các phòng: ngủ, ăn, tiếp khách, bếp, vệ sinh riêng biệt và cùng tầng với căn hộ, có niên hạn sử dụng từ 100 năm trở lên.

c) Nhà cấp 2: Nhà cao từ 03 tầng đến 05 tầng và ít nhất phải có 02 sàn bằng bê tông cốt thép, có niên hạn sử dụng từ 50 năm đến 100 năm.

- Nhà cấp 2A: Móng trụ BTCT, móng tường xây đá chẻ; cột, giằng, dầm sàn BTCT; tường gạch; mái ngói hoặc tôn; trần thạch cao; nền lát gạch Ceramic, cầu thang và mặt tiền nhà ốp đá Garanic hay gạch Ceramic; khu vệ sinh và bếp khép kín, thiết bị vệ sinh tốt; cửa gỗ tốt; hệ thống điện nước hoàn chỉnh.

- Nhà cấp 2B: Móng trụ BTCT, móng tường xây đá chẻ; cột, giằng, dầm sàn BTCT; tường gạch; mái ngói hoặc tôn; phần mái hiên đổ BTCT; trần thạch cao; nền lát gạch Ceramic, cầu thang và mặt tiền nhà ốp đá Garanic; khu vệ sinh và bếp khép kín, thiết bị vệ sinh tương đối tốt; cửa sắt hoặc gỗ trung bình; hệ thống điện nước hoàn chỉnh; công trình sơn nước mastic.

d) Nhà cấp 3: Nhà cao tối đa là 2 tầng, có niên hạn sử dụng từ 20 năm đến 50 năm.

- Nhà cấp 3A: Móng trụ BTCT, móng tường xây đá chẻ; cột, giằng, dầm sàn BTCT; tường gạch; mái ngói hoặc tôn; trần thạch cao hoặc tấm nhựa; nền lát gạch Ceramic loại tốt (hoặc gạch hoa loại tốt); khu vệ sinh và bếp khép kín, thiết bị vệ sinh tương đối tốt; cửa sắt kính hoặc gỗ tương đối tốt; hệ thống điện nước hoàn chỉnh.

- Nhà cấp 3B: Móng trụ BTCT, móng tường xây đá chẻ; cột, giằng, dầm sàn BTCT; sàn gỗ; tường gạch; mái ngói hoặc tôn; trần tol lạnh hoặc tấm nhựa; nền lát gạch Ceramic hoặc gạch hoa thường; khu vệ sinh và bếp khép kín, thiết bị vệ sinh thường; cửa sắt kính hoặc gỗ trung bình.

- Nhà cấp 3C (có gác suốt): Móng trụ BTCT, móng đá chẻ; trụ, tường xây gạch chịu lực; mái tôn kẽm, ngói hoặc xi măng; sàn gỗ suốt (chiều cao gác suốt thấp nhất là 1,6 m); nền gạch hoa hoặc xi măng; khu vệ sinh và thiết bị vệ sinh trung bình; cửa sắt kính hoặc gỗ tương đối tốt; công trình sơn nước hoặc quét vôi.

d) Nhà cấp 4: Niên hạn sử dụng dưới 20 năm.

- Nhà cấp 4A: Móng BTCT, trụ, tấm đan BTCT hoặc mái ngói trang trí, mái tol trang trí; tường xây gạch; mái ngói hoặc mái tôn; xà gỗ sắt hay gỗ tương đối tốt; trần thạch cao, nhựa hoặc tol lạnh; nền lát gạch Ceramic hoặc gạch hoa loại tốt; khu vệ sinh và bếp hoàn chỉnh, thiết bị vệ sinh tương đối tốt; cửa gỗ tốt hoặc khung nhôm kính; công trình sơn nước hoặc quét vôi.

- Nhà cấp 4B: Móng đá chẻ; tường xây gạch; mái tôn kẽm hoặc xi măng; nền gạch Ceramic hoặc gạch hoa trung bình; khu vệ sinh và thiết bị vệ sinh trung bình; cửa sắt kính hoặc gỗ tương đối tốt; công trình sơn nước hoặc quét vôi.

- Nhà cấp 4C: Móng đá chẻ; mái tôn kẽm hoặc xi măng; tường xây gạch; nền láng xi măng; khu vệ sinh và thiết bị vệ sinh thường; cửa sắt kính hoặc gỗ thường./.

